

Bản án số: **41/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 22-9-2022.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mẫn

2. Ông Trần Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Thị Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Ông Trần Ngọc Nhiều – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2022/TLST- HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXX-HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị N, sinh năm 1995.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Hoài T, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Ấp Minh Th, xã An Minh B, huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/11/2021 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Mai Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Mai Thị N và anh Lê Hoài T (gọi tắt là chị N, anh T) có đăng ký kết hôn tại UBND xã Biên Bạch, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau ngày 18/10/2013. Sau khi cưới chị N về làm dâu sống chung nhà với cha mẹ ruột của anh T, tại ấp Minh Th, xã An Minh B, huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G. Thời gian chung sống vợ chồng chị N, anh T thường xảy ra mâu thuẫn. Do bất đồng quan điểm sống, anh T không chăm lo gia đình, trong khi chị N đang sanh con nhỏ, mà anh thường tụ tập bạn bè uống rượu, cầm xe mô tô để lấy tiền tiêu xài riêng. Ngoài ra, anh T thường đi bỏ nhà từ 04 đến 05 ngày mới về nhà, sự việc nhiều lần được gia đình hai bên hàn gắn nhưng anh T không sửa đổi, nên vợ chồng ly thân từ tháng 4/2020 đến nay. Thời gian gần đây anh T còn gây khó cho chị N, khi chị đến thăm con, các con đều chứng kiến, việc này ít nhiều cũng gây ảnh hưởng đến tâm sinh lý cho các con. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N, anh T có 02 người con chung tên Lê Hoài Bảo, sinh ngày 29/11/2014 và Lê Hoài An, sinh ngày 15/11/2019 (hiện các con đang sống với anh Thương). Theo đơn khởi kiện vợ chồng ly hôn chị N yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu anh Thương cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết chị N để con chung Hoài Bảo tự quyết định, con sống với ai thì người đó nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con; còn Hoài An chị yêu cầu được nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 21/4/2022 và ngày 05/8/2022 bị đơn anh Lê Hoài T trình bày: Về hôn nhân anh thống nhất theo lời trình bày của chị N là đúng. Tuy nhiên, chị N yêu cầu ly hôn anh T không đồng ý vì còn thương vợ và các con, anh thừa nhận trong thời gian chị N đang mang thai, sanh con anh ít quan tâm chăm sóc cho vợ nhưng do công việc làm ăn của anh T, cụ thể: Vợ chồng anh T, chị N còn sống chung nhà với ông Lê Hồng Quân, bà Nguyễn Thị Nguồn (ông Quân, bà Nguồn là cha, mẹ của anh T) nên anh phải phụ giúp cha mẹ làm 22 công đất ruộng, 36 công đất nuôi tôm và chăm sóc khoảng 02 công vườn cây mai (cây cảnh), nên anh thường đi bỏ nhà để mua cây cảnh ở nhiều nơi và anh phải tụ tập bạn bè uống rượu. Nhận thấy bản thân có lỗi với chị N nên muốn hàn gắn với chị, đoàn tụ gia đình để anh có thời gian chăm sóc bù đắp cho chị N và các con.

Về con chung: Anh T, chị N có 02 người con chung như chị N trình bày. Vợ chồng ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi 02 người con chung Lê Hoài Bảo, sinh ngày 29/11/2014 và Lê Hoài An, sinh ngày 15/11/2019 (hiện các con đang sống với anh T, cùng ở nhà với ông Lê Hồng Quân, bà Nguyễn Thị Nguồn), anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị N trình bày: Về hôn nhân chị N kiên quyết ly hôn với anh T, do mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nhiều lần chị cho anh T sửa đổi nhưng anh không thay đổi, nên vợ chồng ly thân từ tháng 4/2020 đến nay; về con chung có 02 người con tên Lê Hoài Bảo, Lê Hoài An. Khi vợ chồng ly thân thì các con sống với anh T ở cùng nhà với ông Quân, bà Nguồn. Anh T nhiều lần gây khó cho chị N về việc chị đến thăm con, nhưng từ khi Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì anh T đưa 02 con chung Lê Hoài Bảo, Lê Hoài An cho chị N nuôi dưỡng đến nay (hiện các con đang sống chung với chị N). Vợ chồng ly hôn chị N giao con chung Lê Hoài Bảo cho anh T nuôi dưỡng; chị xin được nuôi con chung Lê Hoài An, con sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; về chia tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn anh T trình bày: Về hôn nhân chị N xin ly hôn anh T không đồng ý, vì còn thương vợ và con; về con chung đúng như lời trình bày của chị N, vợ chồng ly hôn chị N giao Lê Hoài Bảo cho anh T nuôi dưỡng, chị xin nuôi con chung Lê Hoài An chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con anh đồng ý. Đồng thời anh T cũng không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con; về chia tài sản chung thống nhất với lời trình bày của chị N, anh không ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện, chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Về ly hôn cho chị N được ly hôn với anh T; về con chung ghi nhận việc chị N, anh T thống nhất giao cháu Lê Hoài An cho chị N nuôi dưỡng, giao cháu Lê Hoài Bảo cho anh T nuôi dưỡng cho đến các con đủ 18 tuổi. Chị N, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh, chị không yêu cầu; về chia tài sản chung không có, nên đề nghị HĐXX miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng Quân, bà Nguyễn Thị Nguồn (cha, mẹ anh T), khi vợ chồng chị N, anh T ly thân từ tháng 4/2020 thì ông, bà là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Lê Hoài Bảo, Lê Hoài An (cháu Bảo, cháu An là con chung của chị N, anh T) được Tòa án Thông báo tham gia tố tụng nhưng ông Quân, bà Nguồn không có yêu cầu gì trong vụ án này nên ông, bà xin từ chối tham gia tố tụng, do đó Tòa án không đưa ông Quân, bà Nguồn vào tham gia tố tụng.

[2]. **Về hôn nhân:** Hôn nhân giữa chị N, anh T là hợp pháp. Tại phiên tòa chị N trình bày lý do xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi. Anh T không lo làm ăn mà thường tụ tập bạn bè uống rượu, hơn nữa từ 01 đến 02 tháng là anh T bỏ nhà 01 lần, mỗi lần đi từ 03 đến 05 ngày trong khi chị N mới sanh con nhỏ, con đang bị bệnh. Anh T thừa nhận chị N trình bày là đúng nhưng anh không đồng ý ly hôn, vì mâu thuẫn vợ chồng không lớn, chưa đến mức phải ly hôn anh muốn hàn gắn đoàn tụ vợ chồng để anh cố gắng làm ăn, bù đắp chăm sóc cho chị N và các con. Anh đi bỏ nhà là do công việc làm ăn của anh phải đi các tỉnh khác để tìm kiếm mua cây cảnh (cây mai vàng) và phải uống rượu giao lưu với bạn bè.

Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa chị N, anh T là mâu thuẫn thường xảy ra trong cuộc sống gia đình, đáng lẽ ra các bên phải biết tìm hiểu rõ sự thật của vụ việc để thông cảm, tha thứ cũng như chia sẻ khó khăn cho nhau, tạo điều kiện cho anh, chị hàn gắn mâu thuẫn, xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhưng ở đây anh, chị không làm được điều đó mà lại quyết định sống ly thân nhau từ tháng 4/2020 đến nay, làm cho mâu thuẫn trở nên trầm trọng thêm, làm cho đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và tình trạng hôn nhân của anh, chị cũng được bà Nguyễn Thị Nương (mẹ của chị N), ông Lê Hồng Quân, bà Nguyễn Thị Nguồn (cha, mẹ anh T) và UBND xã An Minh B xác nhận là đúng, nghĩ nên cho chị N được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. **Về con chung:** Anh T, chị N có 02 người con chung Lê Hoài Bảo, Lê Hoài An. Tại bản tự khai ngày 21/4/2022 của cháu Hoài Bảo có nguyện vọng được sống với cha tên Lê Hoài T khi cha mẹ ly hôn. Vợ chồng ly hôn chị N, anh T thống nhất giao cháu Hoài Bảo cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu Hoài An cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét

sự thỏa thuận của các bên là tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật và cũng đúng với nguyện vọng của cháu Lê Hoài Bảo, nên HĐXX ghi nhận.

[4]. **Về chia tài sản chung:** Chị N, anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật, HĐXX chấp nhận.

[5]. **Về án phí:** Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003178 ngày 28/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Mai Thị N với anh Lê Hoài T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hoài Bảo, sinh ngày 29/11/2014 cho anh Lê Hoài T nuôi dưỡng, giao cháu Lê Hoài An, sinh ngày 15/11/2019 cho chị Mai Thị N tiếp tục nuôi dưỡng (hiện các con đang sống chung với chị N). Chị N, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Mai Thị N, anh Lê Hoài T có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản chung: Chị N, anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Mai Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm

ngàn đồng) tại biên lai thu số 0003178 ngày 28/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND H. U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký đóng dấu)

Danh Hoàng